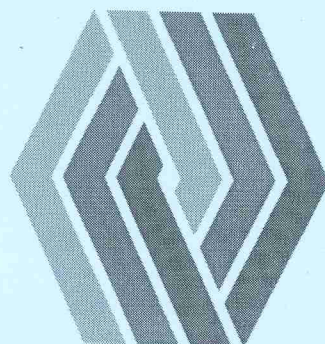


TỔNG CÔNG TY CP XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO4



VNECO4

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO4
Năm 2023

Vinh, tháng 03 năm 2024

Phụ lục số 04

(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 có hiệu lực ngày 01 tháng 01 năm 2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO4

Năm 2023

I-Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO4
- Giấy đăng ký kinh doanh số 2703000185 và giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 2900574674 do Sở Kế hoạch đầu tư cấp thay đổi lần 9 ngày 23 tháng 03 năm 2020
- Vốn điều lệ: 10.280.000.000 đồng
- Địa chỉ: Số 197-Nguyễn Trường Tộ - P. Đông Vĩnh - T.P Vinh-Nghệ An
- Số điện thoại: (0238) 353 1065
- Số fax: (0238) 385 3433
- Website: vneco4.com.vn
- Mã cổ phiếu: VE4
- Quá trình hình thành và phát triển:

Công ty cổ phần xây dựng điện VNECO4 tiền thân là Xí nghiệp cơ điện thuộc Công ty xây lắp điện 3 (nay là Tổng Công ty cổ phần xây dựng điện Việt Nam) được thành lập từ năm 1989.

Năm 2003, thực hiện chính sách cổ phần hóa các doanh nghiệp của Nhà nước để phù hợp với xu hướng phát triển của nền kinh tế, Xí nghiệp Cơ điện được chuyển thành Công ty CP xây lắp điện 3.4 theo Quyết định số 121/2003/QĐ-BCN ngày 11/07/2003 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp là công ty thành viên thuộc Công ty xây lắp điện 3 (nay là Tổng Công ty CP xây dựng điện Việt Nam).

Năm 2006, Công ty cổ phần xây lắp điện 3.4 được đổi tên thành Công ty cổ phần xây dựng điện VNECO4.

Hiện nay Công ty có biên chế đầy đủ các phòng, ban nghiệp vụ quản lý, các Tổ xây lắp điện và đội xe máy thi công. Công ty đã tuyển dụng và đào tạo đội ngũ công nhân kỹ thuật lành nghề có nhiều kinh nghiệm trong nghề xây lắp các công trình tải điện trên không có cấp điện áp đến 500kV và xây lắp các trạm biến áp có cấp điện áp đến 220kV. Công ty đã và đang tham gia thi công xây lắp các công trình Dự án: Nâng cao khả năng truyền tải ĐZ 110kV mạch kép TBA 220kV Hoàn Bồ đến cột số 43, giá trị: 1.145.234.200 đồng; Gói thầu NPC-DPL3-110HĐLC-HĐCL-G03: Xây lắp đường dây 110kV Tiểu dự án: Cải tạo đường dây 110kV Hưng Đông - Can Lộc và Hưng Đông - Linh Cảm, thuộc chương trình Hỗ trợ phát triển chính sách cải cách ngành điện giai đoạn 3 (DPL3), vay vốn Ngân hàng Thế giới, giá trị: 24.335.914.404 đồng; Gói thầu 09TC.SCL2023: Cung cấp VTTB và thi công các công trình xử lý chống dây dẫn vướng lắc vào công trình ngoài hành lang đường dây 220kV Hà Tĩnh - Formosa. Nguồn vốn: Sửa chữa lớn năm 2023, giá trị: 8.498.998.928 đồng; Gói thầu CPC-DX.TamThang-W01: Cung cấp vật tư và thi công xây dựng công trình. Dự án: Cải tạo nâng tiết diện đường dây 110kV TBA 220kV Duy Xuyên - TBA 110kV Tam Thăng, giá trị: 9.607.767.607 đồng; Gói thầu số 01/XL/2024/NCĐTC-110H-ĐN: Thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị Dự án: Nâng cao độ tin cậy cung cấp điện đường dây 110kV Huế - Đà Nẵng (cung đoạn D001-D362) năm 2024, giá trị: 3.385.230.224 đồng; Đường dây 110kV Thanh Oai - Chương Mỹ, giá trị: 959.710.936 đồng; Dự án:

Nâng cao KNTT đường dây 110kV mạch kép 175-176 từ TBA 220kV Phú Lý - TBA 110kV Thanh Nghị -TBA 220kV Ninh Bình, tỉnh Hà Nam, giá trị: 1.008.009.199 đồng; Gói thầu số 03: CCVTTB, Thi công xây dựng công trình Tháo dỡ, xây mới ĐZ 110kV và 220kV đi chung phục vụ giải phóng, phát triển quỹ đất phía Tây TP Hà Tĩnh Dự án: Tháo dỡ, xây mới ĐZ 110kV và 220kV đi chung phục vụ giải phóng, phát triển quỹ đất phía Tây TP Hà Tĩnh, với giá trị: 13.068.109.053 đồng; Gói thầu 2XL-ĐZ220NM Xây lắp đường dây từ biên giới Lào đến điểm G8. Dự án: ĐZ 220kV Nậm Mô (Lào) - Trương Dương (đoạn trên lãnh thổ Việt Nam), với giá trị 8.036.400.348 đồng; Gói thầu LHG06: Xây lắp đường dây 110kV thuộc dự án: Đường dây 110kV và TBA 110kV Lộc Hà, Hà Tĩnh và nhiều công trình điện trọng điểm trong cả nước.

Năm 2008, từ vốn điều lệ ban đầu là 5,15 tỷ đồng, Công ty đã nâng lên trên 8,2 tỷ đồng và hiện nay vốn điều lệ là 10,28 tỷ đồng. Sản xuất kinh doanh của Công ty liên tục tăng trưởng qua từng năm; sản lượng, doanh thu hàng năm đều tăng, năm sau cao hơn năm trước. Mặc dầu có sự cạnh tranh hết sức quyết liệt trên thị trường xây lắp điện, tuy nhiên Công ty cổ phần xây dựng điện VNECO4 hoàn toàn có đủ năng lực và kinh nghiệm thi công để tham gia các công trình, dự án điện có cấp điện áp đến 500 kV và thực tế đã chứng minh được thương hiệu của mình trên thị trường xây dựng điện và đã được các Ban quản lý dự án các công trình điện và Tập đoàn điện lực Việt Nam đánh giá cao.

Năm 2012, Công ty được chấp thuận niêm yết cổ phiếu trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số: 352/QĐ-SGDHN ngày 12 tháng 9 năm 2012 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

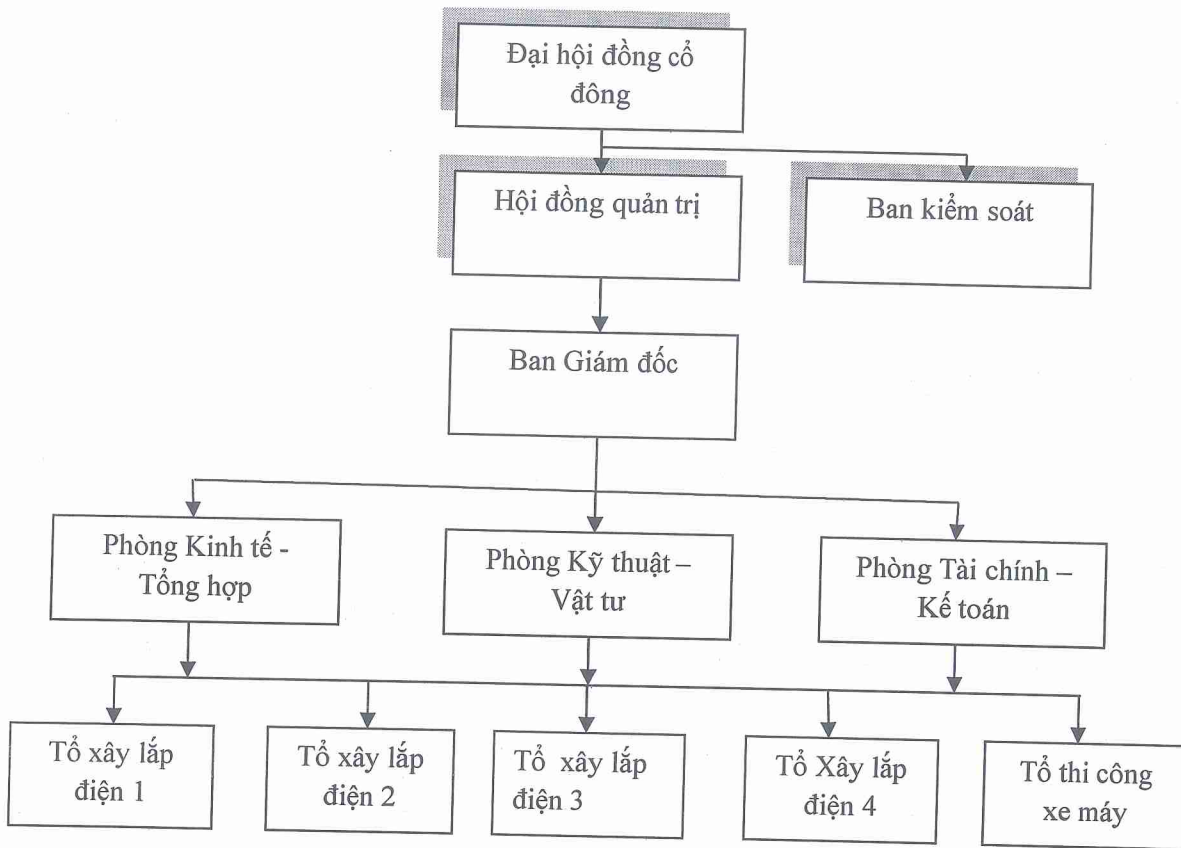
- Ngành nghề kinh doanh:

- + Lắp đặt hệ thống điện;
- + Bán buôn vật liệu; Thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- + Vận tải hàng hoá bằng đường bộ; Hoàn thiện công trình xây dựng;
- + Bốc xếp hàng hóa; kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- + Xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp;
- + Gia công cơ khí;

- Địa bàn kinh doanh: các địa phương trên cả nước, nhưng các năm qua hoạt động chủ yếu ở các tỉnh:

- + Tỉnh Quảng Ninh;
- + Tỉnh Hà Giang;
- + Cao Bằng
- + Tỉnh Sơn La;
- + Tỉnh Lai Châu;
- + TP.Hà Nội
- + Tỉnh Thái Bình;
- + Tỉnh Ninh Bình;
- + Tỉnh Thanh Hóa;
- + Tỉnh Nghệ An;
- + Tỉnh Hà Tĩnh;
- + Đà Nẵng
- + Phú Yên;
- + Tỉnh Khánh Hòa;
- + Gia Lai
- + Đắk Lắk
- + ...v...v....

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:
Mô hình quản trị và cơ cấu quản lý của Công ty



3.1-Đại hội đồng cổ đông:

Đại hội đồng Cổ đông là cơ quan quyền lực cao nhất của Công ty. Đại hội đồng Cổ đông quyết định tổ chức lại và giải thể Công ty, quyết định định hướng phát triển của Công ty, bầu, bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát...

3.2-Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông và chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông bầu ra bao gồm 5 thành viên:

- | | |
|--------------------|----------|
| Ông Trần Văn Huy | Chủ tịch |
| Ông Hồ Hữu Phước | Ủy viên |
| Ông Nguyễn Ngọc Ân | Ủy viên |
| Ông Nguyễn Thế Tam | Ủy viên |
| Ông Phạm Xuân Trụ | Ủy viên |

3.3-Ban Giám đốc

Ban Giám đốc bao gồm Giám đốc và 02 Phó Giám đốc do HĐQT quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm. Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty và có trách nhiệm triển khai các chương trình hành động và các nghị quyết của HĐQT trong năm kế hoạch, đồng thời điều hành các hoạt động hàng ngày của Công ty, chịu trách nhiệm trước HĐQT về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Cơ cấu Ban Giám đốc hiện tại như sau:

- | | |
|----------------------|----------------|
| Ông Hồ Hữu Phước | - Giám đốc |
| Ông Nguyễn Ngọc Ân | - Phó Giám đốc |
| Ông Nguyễn Trung Phú | - Phó Giám đốc |

3.4-Ban kiểm soát:

Ban kiểm soát thực hiện nhiệm vụ giám sát hoạt động của Công ty theo Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu chọn, có cùng nhiệm kỳ với Hội đồng quản trị. Cơ cấu Ban kiểm soát hiện tại như sau:

Ông Nguyễn Thế Hùng	- Trưởng Ban kiểm soát
Ông Võ Hồng Quân	- Ủy viên
Bà Trần Thị Thu Lan	- Ủy viên

3.5-Các Phòng chức năng

* Phòng Kinh tế - Tổng hợp

Phòng Kinh tế - Tổng hợp là phòng chuyên môn tham mưu cho Giám đốc về các lĩnh vực:

+ Công tác kế hoạch sản xuất - kinh doanh, tìm kiếm việc làm, công tác thị trường đầu thầu; thanh, quyết toán công trình; thống kê báo cáo theo quy định hiện hành;

+ Về tổ chức nhân sự, lao động tiền lương, chế độ chính sách, BHXH, hành chính quản trị văn phòng, thanh tra bảo vệ, an ninh quốc phòng, công tác thi đua khen thưởng, kỷ luật và có các nhiệm vụ chủ yếu, chủ trì xây dựng phương án tổ chức bộ máy sản xuất - kinh doanh, bố trí nhân sự; quản lý hồ sơ, lý lịch, giải quyết thủ tục về chế độ tuyển dụng, thôi việc, bổ nhiệm, bãi nhiệm, chế độ hưu trí; kế hoạch chương trình đào tạo, tuyển dụng, bồi dưỡng nghiệp vụ, tay nghề; xây dựng quy chế phân phối quỹ lương và trả lương, quy chế khen thưởng, quy chế tuyển dụng, quy chế phân cấp, nội quy lao động; quản lý lao động, tiền lương của người lao động; công tác BHXH, BHYT, BHTN, BHTT; công tác quản trị văn phòng; công tác thanh tra bảo vệ. ... và các công tác khác có liên quan.

* Phòng Kỹ thuật - Vật tư:

Phòng Kỹ thuật - Vật tư là phòng chuyên môn tham mưu cho giám đốc về các lĩnh vực hồ sơ đền bù giải phóng mặt bằng trong thi công; quản lý kỹ thuật, kỹ thuật an toàn thi công xây lắp và sản xuất công nghiệp; quản lý vật tư, xe máy và dụng cụ thi công ... đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ sản xuất - kinh doanh chung của Công ty... và các công tác khác có liên quan.

* Phòng Tài chính - Kế toán:

Phòng Tài chính Kế toán là phòng chuyên môn đầu mối giải quyết các công việc thuộc lĩnh vực tài chính kế toán và có nhiệm vụ chủ yếu: quản lý, theo dõi và kiểm tra về thực hiện các chế độ về tài chính, kế toán và quản lý tài sản; lập kế hoạch tài chính hàng năm và kế hoạch vốn phục vụ sản xuất kinh doanh và cơ cấu nguồn vốn cho các dự án, các công trình mà Công ty thi công, đề xuất phương án huy động vốn, tổng hợp chi phí sản xuất, phân tích hoạt động tài chính, báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh, trích lập các quỹ ... và các công tác khác có liên quan

* Các tổ xây lắp điện, xây dựng:

Là thành viên của Công ty chuyên xây dựng, lắp đặt các công trình điện do Công ty giao có nhiệm vụ tổ chức thực hiện tốt nhiệm vụ kế hoạch được Công ty giao và các nhiệm vụ được Công ty uỷ quyền nhằm đảm bảo tiến độ công trình, chất lượng và hiệu quả.

* Tổ quản lý xe máy:

Là thành viên của Công ty chuyên chở dụng cụ thi công, phụ kiện, vật liệu theo yêu cầu kế hoạch và thực tế. Nhiệm vụ được Công ty giao nhằm đảm bảo sản phẩm cung cấp đúng tiến độ, đảm bảo chất lượng và hiệu quả.

4. Định hướng phát triển;

4.1- Mục tiêu chung của Công ty:

+ Phát huy những thành quả đạt được trong năm 2023, tiếp tục xây dựng và hoàn thiện một số cơ chế quản lý của Công ty phù hợp với tình hình nhiệm vụ mới.

+ Duy trì và phát triển ngành nghề truyền thống về xây lắp đường dây và trạm. Tiếp tục phát huy thế mạnh của Công ty trên lĩnh vực này.

4.2- Phương hướng thực hiện:

+ Tập trung chỉ đạo điều hành SXKD, đặc biệt chỉ đạo thi công hoàn thành tiến độ và đảm bảo chất lượng các công trình năm trước thi công dở dang chuyển sang năm sau đồng thời triển khai thi công các công trình mới.

+ Đào tạo tuyển dụng lực lượng kỹ thuật, quản lý kinh tế và công nhân có đủ trình độ, tâm huyết gắn bó với Công ty. Có chính sách ưu đãi thỏa đáng với các cá nhân có trình độ, nhiệt huyết. Tạo điều kiện cho cán bộ công nhân viên cống hiến một cách tốt nhất.

+ Đầu tư thêm một số trang thiết bị chuyên ngành nhằm đảm bảo chủ động trong sản xuất, thi công, phục vụ kinh doanh có hiệu quả, năng suất, chất lượng.

+ Tăng cường mối quan hệ chặt chẽ với các tổ chức tín dụng để huy động nguồn vốn đáp ứng đủ cho sản xuất kinh doanh. Tích cực thu hồi vốn khi có khối lượng hoàn thành

+ Xây dựng điện năng lượng mặt trời áp mái tại khuôn viên văn phòng Công ty, sắp xếp bố trí cho thuê mặt bằng nhằm tăng thêm thu nhập.

5. Các rủi ro:

*** Rủi ro về kinh tế :**

Môi trường kinh tế khách quan với những yếu tố cơ bản của nền kinh tế như tốc độ tăng trưởng, lạm phát, tỷ giá hối đoái, lãi suất.... sẽ có những ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả sản xuất kinh doanh của tất cả các doanh nghiệp trong mọi ngành nghề. Là một Công ty hoạt động trong ngành xây lắp điện, Công ty CP Xây dựng điện VNECO4 cũng chịu sự tác động đáng kể trước những biến động chung của nền kinh tế.

*** Rủi ro từ biến động lãi suất**

Trong giai đoạn vừa qua, lãi suất đã có nhiều biến động với nhiều thay đổi của chính sách tiền tệ của Ngân hàng Nhà nước. Những thay đổi này trong chừng mực nào đó đều có những ảnh hưởng trực tiếp tới hoạt động kinh doanh của từng doanh nghiệp, đặc biệt về khía cạnh tài chính với nguồn vốn tài trợ cho hoạt động kinh doanh được vay ngân hàng. Điều này sẽ dẫn tới việc tăng lãi suất cho vay đối với doanh nghiệp nói chung và tăng chi phí tài chính đầu vào cho Công ty nói riêng.

*** Rủi ro từ biến động tỷ giá**

Với những đặc thù của ngành xây dựng nói chung và ngành xây lắp điện nói riêng, Công ty không thực hiện nhiều các giao dịch thương mại quốc tế, vì thế những biến động tỷ giá sẽ không ảnh hưởng lớn mang tính chi phối đến hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty. Tuy nhiên, với những hợp đồng nhập khẩu một số nguyên vật liệu, máy móc, thiết bị, những biến động tỷ giá của Việt nam đồng cũng sẽ có những ảnh hưởng đến chi phí kinh doanh của Công ty.

*** Rủi ro thanh toán**

Trong hoạt động xây dựng, thời gian thi công của các công trình thường kéo dài, việc nghiệm thu, bàn giao được thực hiện từng phần trong khi việc giải ngân vốn thường chậm, quá trình hoàn tất hồ sơ thi công cũng như thống nhất phê duyệt quyết toán giữa chủ đầu tư và nhà thầu thường mất rất nhiều thời gian. Vì vậy, trong quá trình hoạt động, Công ty cần nhiều vốn lưu động để duy trì hoạt động và thanh toán các khoản nợ đến hạn. Do đó nếu không có kế hoạch tài chính phù hợp thì Công ty sẽ đối mặt với tình trạng mất khả năng thanh toán.

** Rủi ro về nguồn nhân lực*

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là xây lắp đường dây và trạm, công việc có tính chất lưu động cao, khó khăn, vất vả, nguy hiểm. Vì thế lực lượng lao động có kỹ thuật xây lắp đường dây và trạm là một nhân tố quan trọng nhất của Công ty. Tuy nhiên lực lượng lao động có kinh nghiệm và đã qua đào tạo của Công ty luôn có nguy cơ bị thất thoát do phía các doanh nghiệp trong ngành và một số ngành nghề khác. Do đó bên cạnh những chế độ, chính sách đãi ngộ lao động hợp lý, Công ty cần có định hướng phát triển, đào tạo nguồn nhân lực để đảm bảo sự ổn định và phát triển trong tương lai.

** Rủi ro về biến động giá nguyên vật liệu*

Vật liệu xây dựng và nhiên liệu chiếm phần lớn trong cơ cấu chi phí xây dựng các công trình điện. Do vậy, sự biến động về giá cả của các chủng loại sắt thép, giá cả của một số mặt hàng chủ yếu cũng như giá cả xăng, dầu có ảnh hưởng tới doanh thu và lợi nhuận của doanh nghiệp. Ngoài ra, sự bất ổn định trong nguồn cung nguyên vật liệu đầu vào sẽ có ảnh hưởng không nhỏ đến tiến độ thi công của các công trình xây dựng điện của Công ty.

** Rủi ro bất khả kháng:*

Một số rủi ro mang tính bất khả kháng, ít có khả năng xảy ra, nhưng nếu xảy ra thì sẽ tác động đến tình hình kinh doanh của Công ty, đó là hiện tượng thiên tai (hạn hán, bão lụt, động đất, dịch bệnh...), chiến tranh hay dịch bệnh hiểm nghèo xảy ra trên quy mô lớn.

II- Tình hình hoạt động trong năm:

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

1.1- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023: (Số liệu đã được kiểm toán)

- Doanh thu và thu nhập: 93.291 tỷ đồng,

- Lợi nhuận sau thuế: -3.919 triệu đồng, (Chi tiết xem Báo cáo kết quả SXKD - phụ lục Mẫu B

02-DN kèm theo)

1.2- Tình hình thực hiện so với kế hoạch: (Số liệu đã được kiểm toán)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2023	Thực hiện năm 2023	So sánh thực hiện/KH năm (%)
	2	3	4	5	6=5/4
1	Doanh thu và thu nhập	Tr. đ	105.091	93.291	88,77
2	Lợi nhuận sau thuế	Tr. đ	920	-3.919	

2. Tổ chức và nhân sự của Công ty

Danh sách Ban Giám đốc và Kế toán trưởng Công ty:

2.1. Giám đốc: Ông Hồ Hữu Phước

Giới tính : Nam
Quê quán : Xã Quỳnh Minh - Huyện Quỳnh Lưu - Tỉnh Nghệ An
Số CMND :
Quốc tịch : Việt Nam
Dân tộc : Kinh
Địa chỉ thường trú : Khối Yên Trường Phường Trung Đô TP Vinh Nghệ An
Địa chỉ email : phuocvneco4@gmail.com
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cơ khí

Quá trình công tác:

Từ 06/2001 – 05/2006 Cán bộ phòng Kỹ thuật Vật tư Công ty CP Xây dựng điện VNECO3;
Từ 06/2006 – 06/2009 phó phòng Kỹ thuật Vật tư Công ty CP Xây dựng điện VNECO3;
Từ 07/2009 - 03/2015 Trưởng phòng Kỹ thuật Vật tư Công ty CP Xây dựng điện VNECO3;
Từ 04/2015 - 02/2020 Phó Giám đốc Công ty CP Xây dựng điện VNECO3;
Từ 02/2020 – 16/03/2020 Phó Giám đốc Công ty CP Xây dựng điện VNECO4;
Từ 17/03/2020 đến 22/05/2020 Giám đốc Công ty CP Xây dựng điện VNECO4;
Từ 23/05/2020 đến nay Thành viên HĐQT- Giám đốc Công ty CP Xây dựng điện VNECO4;
Tổng số cổ phần nắm giữ: 254.224 cổ phần (Chiếm 24,73% vốn điều lệ thực góp)

Trong đó

Số cổ phần cá nhân nắm giữ: 0 cổ phần (Chiếm 0% vốn điều lệ thực góp)

Số cổ phần Tổng công ty cổ phần xây dựng điện Việt Nam uỷ quyền: 254.224 cổ phần (Chiếm 24.73% vốn điều lệ thực góp)

2.2. Phó giám đốc Công ty: Ông Nguyễn Ngọc Ân

Giới tính : Nam
Nơi sinh : Sơn Lộc - Can Lộc - Hà Tĩnh
Số CMND :
Quốc tịch : Việt Nam
Dân tộc : Kinh
Quê quán : Sơn Lộc - Can Lộc - Hà Tĩnh
Địa chỉ thường trú : P Đông Vĩnh, TP Vinh, Nghệ An
Trình độ văn hoá : 12/12
Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế - Quản trị kinh doanh;

Quá trình công tác:

Từ tháng 08/1986-06/1990: Công nhân kỹ thuật tại Cty xây lắp và đường dây trạm V
Tháng 07/1990- 02/2006: NV phòng KH - TV ban kiểm soát - Công ty CP XD điện VNECO4.
Từ tháng 03/2006-01/2007: NV phòng KH -Trưởng ban kiểm soát - Công ty CP XD điện VNECO4.
Từ 03/2010-04/2015: Trưởng phòng KH - Thành viên HĐQT - Công ty CP XD điện VNECO4.

Từ tháng 05/2015-08/2016: Trưởng phòng KH KTVT - Công ty CP Xây dựng điện VNECO4.

Từ tháng 08/2016- 04/2017: Trưởng phòng KTKH - Công ty CP Xây dựng điện VNECO4.

Từ 04/2017 đến nay: Phó Giám đốc kiêm Trưởng phòng KTTH - Công ty CP Xây dựng điện VNECO4.

Chức vụ hiện tại: Phó Giám đốc kiêm Trưởng phòng KTTH- Thành viên HĐQT – Công ty CP XD điện VNECO4.

Tổng số cổ phần nắm giữ: 8.582 cổ phần (Chiếm 0.83% vốn điều lệ)

Trong đó:

Số cổ phần cá nhân nắm giữ: 8.582 cổ phần (Chiếm 0.83% vốn điều lệ)

Số cổ phần Nhà nước uỷ quyền: 0 cổ phần (Chiếm 0% vốn điều lệ)

2.3 Ông: Nguyễn Trung Phú - Phó Giám đốc

Giới tính : Nam

Quê quán : Xã Nghi Liên – Thành phố Vinh – Tỉnh Nghệ An

Số CCCD :

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Tôn, giáo : Không

Địa chỉ thường trú : Xã Nghi Liên – Thành phố Vinh – Tỉnh Nghệ An;

Email : Phuvneco4 @gmail.com

Trình độ văn hoá : 12/12

Trình độ chuyên môn : Đại học kỹ thuật điện.

Quá trình công tác:

Từ tháng 09/2006 - 06/2019: Cán bộ Kỹ thuật phòng Kỹ Thuật Công ty CP Xây dựng Điện VNECO3.

Từ tháng 07/2019 - 04/2021: Phó Giám đốc Công ty CP Xây dựng Hùng An.

Từ 05/05/2021 - 31/5/2023: Trưởng Phòng Kỹ thuật – Vật tư Công ty CP Xây dựng Điện VNECO4.

Từ ngày 01/06/2023: Phó Giám đốc Công ty CP Xây dựng Điện VNECO4.

Chức vụ các tổ chức khác đang đảm nhiệm: Chi ủy viên Chi bộ Công ty CP Xây dựng Điện VNECO4, Phó chủ tịch Công đoàn Công ty CP Xây dựng Điện VNECO4.

Tổng số cổ phần nắm giữ (Số nắm giữ tại VNECO4): 0 cổ phần (Chiếm 0 % vốn điều lệ thực góp)

2.4-Kế toán trưởng: Ông: Hoàng Đình Khánh

Giới tính : Nam

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Tôn, giáo : Không

Quê quán : Cát Văn – Thanh Chương – Tỉnh Nghệ An;

Địa chỉ thường trú : P.Trường Thi, TP.Vinh, Nghệ An

Điện thoại liên lạc : Email: hoangkhanhsc24@gmail.com

Trình độ văn hoá : 12/12

Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế (Chuyên ngành Kế toán doanh nghiệp).

Quá trình công tác:

Từ tháng 11/2003- 10/2015: Phó Phòng Tài chính Kế toán Công ty CPĐT và XD 24

Từ tháng 11/2015- 06/2022: Kế toán trưởng - Công ty CP xây dựng điện VNECO2.

Từ Tháng 07/2022 – 09/2023: Kế toán trưởng - Công ty CP xây dựng Hùng An.

Tháng 10/2023: Trưởng Phòng tài chính kế toán - Công ty CP Xây dựng Điện VNECO4.

Tháng 11/2023 - nay: Kế toán trưởng - Công ty CP Xây dựng Điện VNECO4.

Tổng số cổ phần nắm giữ (Số nắm giữ tại VNECO4): 0 cổ phần (Chiếm 0% vốn điều lệ thực góp)

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a. Các khoản đầu tư lớn trong năm 2023:

+ Mua xe ô tô tải: 784 triệu đồng

+ Sửa chữa lớn ô tô tải: 284 triệu đồng

+ Mua máy tăng hãm: 290 triệu đồng

b. Các công ty con, công ty liên kết: Không có

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

TT	Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	% tăng, giảm năm sau so với năm trước
1	Tổng giá trị tài sản	63.342.352.881	80.365.214.013	26,87
2	Doanh thu thuần	82.261.438.578	91.882.045.416	11,70
3	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	-2.478.824.920	-3.911.454.430	57,79
4	Lợi nhuận khác	582.819.350	136.321.545	76,61
5	Lợi nhuận trước thuế: 5=3+4	-1.896.005.570	-3.775.132.885	99,11
6	Chi phí thuế TNDN hiện hành	7.408.237	144.266.295	1.847,38
7	Lợi nhuận sau thuế: 7=5-6	-1.903.413.807	-3.919.399.180	105,91
8	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	-1.852	-3.813	105,89

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Các chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	Ghi chú
1- Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Tài sản ngắn hạn/ Nợ ngắn hạn	1,11	1,01	
Tài sản ngắn hạn – Hàng tồn kho nợ ngắn hạn	1,02	0,84	
2-Chỉ tiêu về cơ cấu nguồn vốn			
Hệ số nợ/ Tổng tài sản	0,76	0,86	
Hệ số nợ/ Vốn chủ sở hữu	3,61	7,36	
3-Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Giá vốn hàng bán/ Hàng tồn kho	18,04	7,18	
Doanh thu thuần/ Tổng tài sản	1,30	1,14	
4-Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	-0,02	-0,04	
Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu	-0,14	-0,42	
Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	-0,03	-0,05	
Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	-0,03	-0,04	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a. Cổ phần:

- Tổng số cổ phần và loại cổ phần đang lưu hành: 31/12/2023
- tổng số cổ phần : 1.028.000 cổ phần

Trong đó:

- + Cổ phần phổ thông: 1.028.000
- + Cổ phần chuyển nhượng tự do: 1.028.000
- + Cổ phần hạn chế chuyển nhượng: 0
- Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/cổ phần
- Cơ cấu cổ đông:

Bảng: Cơ cấu cổ đông tại thời điểm ngày đăng ký cuối cùng theo danh sách số: V231/2023-VE4/VSD/ĐK ngày 17/03/2023 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam để thực hiện quyền bỏ phiếu tham dự ĐHĐCĐ thường niên năm 2023.

STT	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phần nắm giữ	Tổng giá trị (đồng)	Tỷ lệ nắm giữ
1	Trong nước	118	1.026.600	10.266.000.000	99,86
a.	Tổ chức	5	667.621	6.676.210.000	72,02
*	Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT	1	9	90.000	
*	Công ty CP chứng khoán MB	1	10	100.000	
*	Công ty CP VINACONEX 39	1	76.700	767.000.000	7,46
*	Công ty CP Đầu tư SPX	1	101.000	1.010.000.000	9,82
*	Tổng Công ty CP xây dựng điện Việt Nam	1	562.602	5.626.020.000	54,73
b.	Cá nhân	113	358.979	4.638.740.000	27,85
*	Trong Công ty	10	15.193	151.930.000	1,34
*	Ngoài Công ty	103	343.786	3.437.860.000	26,51
2	Nước ngoài	3	1.400	14.000.000	0,14
a.	Tổ chức	0	0	0	0
b.	Cá nhân	3	1.400	14.000.000	0,14
*	ALEXANDRE ROBERT IDARECI	1	800	8.000.000	0,08
*	LINDELL LAGERMAN PATRIK STEFAN	1	400	4.000.000	0,04
*	Yamazaki Atsushi	1	200	2.000.000	0,02
	Tổng cộng	121	1.028.000	10.280.000.000	100

b. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: không

III- Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc:

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Năm 2023, Công ty gặp nhiều khó khăn trong hoạt động SXKD như chiến tranh giữa Nga và Ukraine, dịch COVID-19 liên tục hoành hành nhưng vẫn đảm bảo mức thu nhập của CBCNV và người lao động, đảm bảo được việc làm thường xuyên cho người lao động. Năm 2023 lợi nhuận sau thuế chưa hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch đặt ra, do yếu tố khách quan: một số công trình có vướng mắc về đền bù giải phóng mặt bằng, vật tư A cấp chưa kịp thời và không đồng bộ, đơn giá xây dựng thấp, Vật tư thường xuyên thay đổi tăng, đấu thầu trúng thầu các dự án nằm rải rác trên cả nước làm chi phí chuyển quân lớn, trong quá trình thi công bị gián đoạn do phải chờ đợi cắt điện, ảnh hưởng của thời tiết, v...v....

2. Tình hình tài chính

a. Tình hình tài sản

Phân tích tình hình tài sản, biến động tài sản (phân tích, đánh giá hiệu quả sử dụng tài sản, nợ phải thu xấu, tài sản xấu ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh).

Tình hình biến động tài sản và nguồn vốn như sau:

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm		Tỷ Trọng %		Chênh lệch	
	2022	2023	2022	2023	Giá trị	%
TÀI SẢN						
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	53.567	70.184	84,57	87,33	16.617	31,02
I. Tiền	14.074	8.287	22,22	10,31	(5.787)	(41,12)
II. Các khoản đầu tư TCNH	1.321	4.572	2,09	5,69	3.251	246,10
III. Các khoản phải thu NH	33.636	44.860	53,10	55,82	11.224	33,37
IV. Hàng tồn kho	4.476	12.172	7,07	15,15	7.696	171,94
- Trong đó: Chi phí SXKD dở dang	3.727	5.508	5,88	6,85	1.781	47,79
V. Tài sản ngắn hạn khác	60	293	0,09	0,36	233	388,33
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	9.775	10.181	15,43	12,67	406	4,15
I. Tài sản cố định	8.943	9.676	14,12	12,04	733	8,20
II. Các khoản phải thu dài hạn	2	243	0,00	0,30	241	
III. Các khoản đầu tư TCDH	333		0,53	-	(333)	(100,00)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	35		0,06	-	(35)	(100,00)
V. Tài sản dài hạn khác	462	262	0,73	0,33	(200)	(43,29)
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	63.342	80.365	100,00	100,00	17.023	26,87
NGUỒN VỐN	2022	2022	2022	2022	Giá trị	%
A. NỢ PHẢI TRẢ	49.986	70.928	78,91	88,26	20.942	41,90
I. Nợ ngắn hạn	48.256	69.437	76,18	86,40	21.181	43,89
II. Nợ dài hạn	1.730	1.491	2,73	1,86	(239)	(13,82)
B. NGUỒN VỐN CSH	13.356	9.437	21,09	11,74	(3.919)	(29,34)
I. Vốn chủ sở hữu	13.356	9.437	21,09	11,74	(3.919)	(29,34)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	63.342	80.365	100,00	100,00	17.023	26,87

Thông qua bảng tính xác định tình hình biến động tài sản và nguồn vốn trên ta có thể xem xét phân tích từng chỉ tiêu để xác định sự biến động của tài sản trên các khoản mục.

Tổng tài sản của công ty trong năm 2023 tăng 17.023 triệu đồng so với năm 2022, tức đã tăng 26,87%. Để hiểu rõ hơn về sự thay đổi này cần xem xét sự biến động của các khoản mục chính trong tài sản như sau:

Vào thời điểm năm 2022 tài sản ngắn hạn có giá trị là: 53.567 triệu đồng năm 2023 là 70.184 triệu đồng, năm 2023 tăng so năm 2022: 16.617 triệu đồng tức tăng tương đương 31,02%, tài sản ngắn hạn năm 2023 của công ty tăng so với năm 2022, do ảnh hưởng của các yếu tố:

1- Các khoản tiền năm 2023 giảm 5.787 triệu đồng tương đương giảm 41,12% so năm 2022. Khi xem số liệu tổng hợp cho thấy năm 2023 so năm 2022 Công ty hoạt động gặp khó khăn về vốn. Nhưng khi đi sâu vào phân tích kỹ cho thấy: Năm 2023 Công ty đạt được doanh thu hơn 90 tỷ là do phải vay Ngân hàng. Công ty muốn vay được Ngân hàng khoản vốn lớn thì phải có Tài sản thế chấp lớn tương đương theo tỷ lệ cho vay. Điều này thể hiện năm 2023 Công ty hoạt động kinh doanh chủ yếu là vốn vay. Bởi kinh doanh chủ yếu bằng vốn vay nên phải chịu lãi vay lớn, qua đó làm ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh.

2- Các khoản phải thu ngắn hạn tăng từ 33.636 triệu đồng lên 44.860 triệu đồng từ năm 2022 sang năm 2023; tức là tăng 11.224 triệu đồng tương đương 33,37%. Các khoản phải thu năm 2023 lớn hơn năm 2022 chủ yếu: Phải thu khách hàng các chủ đầu tư và nhà thầu giao thầu và các khoản phải thu tạm ứng.

Qua số liệu và phân tích tích trên cho thấy năm 2023 là năm Công ty bị động về vốn, hoạt động kinh doanh chủ yếu là vốn vay; Tình hình thanh toán vốn từ các Chủ đầu tư và đơn vị giao thầu khó khăn, thanh toán không kịp thời, đơn đốc thu hồi công nợ chậm làm thiếu vốn phục vụ thi công từ đó làm ảnh hưởng đến tiến độ thi công các công trình. Do thiếu vốn phục vụ thi công phải vay Ngân hàng, từ đó làm tăng lãi vay, đồng nghĩa làm tăng chi phí tài chính so với năm 2022, làm ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh trong năm và bị động công tác tài chính.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

+ Tiếp tục bổ sung và hoàn thiện các quy chế quản lý để phù hợp với tình hình thực tế và theo quy định hiện hành của Nhà nước.

+ Coi trọng chính sách khuyến khích người lao động tăng năng suất lao động, đảm bảo tiến độ và chất lượng công trình bằng các hình thức tiền thưởng, ăn ca

+ Tăng cường bồi dưỡng, nâng cao trình độ nghiệp vụ cho bộ phận quản lý, không ngừng nâng cao đào tạo tay nghề cho người lao động, tổ chức thi nâng bậc cho người lao động và nâng bậc lương cho CBCNV kịp thời.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

Tiếp tục phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, giải quyết đủ việc làm và đảm bảo thu nhập cho người lao động, có lợi nhuận. Trước mắt hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch năm 2023 với các chỉ tiêu sau:

đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Các chỉ tiêu chủ yếu	ĐVT	TH năm 2023	KH năm 2024	Tỷ lệ KH 2024/TH 2023%	Ghi chú
1	2	3	4	5	6=5/4	7
1	Doanh thu và thu nhập	Tr. Đ	93.291	117.400	125%	
2	Lợi nhuận sau thuế	Tr.Đ	-3.919	810		

IV-Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty:

- Năm 2023 ngành xây dựng nói chung, xây dựng điện nói riêng còn gặp nhiều khó khăn nhưng Công ty CP xây dựng điện VNECO4 vẫn hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định, giải quyết có đầy đủ việc làm và đảm bảo thu nhập cho người lao động.

- Tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023,

- Năm 2023 Công ty đã đề ra kế hoạch về: Doanh thu, lợi nhuận, thu nhập bình quân của người lao động và mức cổ tức cho các cổ đông, nhưng kết quả không đạt kế hoạch đề ra do ảnh hưởng của các yếu tố sau:

+ Tuy công tác đấu thầu tìm kiếm việc làm Công ty luôn chú trọng và tích cực, nhưng chưa thắng thầu được các công trình lớn, chỉ trúng thầu các công trình nhỏ kết quả làm doanh thu không đạt kế hoạch đề ra

+ Quá trình hoạt động kinh doanh trong năm 2023 gặp rất nhiều khó khăn như: Do ảnh hưởng chung của nền kinh tế thế giới về giá cả Vật tư, nguyên liệu, nhiên liệu, vật tiêu tăng làm chi phí SXKD tăng. Tình hình vốn thanh toán từ các Chủ đầu tư và nhà thầu chính chậm làm Công ty không đủ vốn lưu động để phục vụ thi công các công trình. Muốn có vốn thi công các công trình kịp tiến độ, Công ty phải vay hàng chục tỷ đồng với lãi vay cao, đây cũng là một yếu tố làm tăng chi phí làm ảnh hưởng không nhỏ đến kết quả kinh doanh.

+ Trong năm Công ty thi công một số công trình đặc biệt khó khăn, theo kế hoạch thời tiết thuận lợi chỉ 06 tháng là hoàn thành, nhưng do điều kiện thời tiết khắc nghiệt mưa lũ xảy ra thường xuyên, công nhân phải chờ đợi hàng quý làm tăng chi phí chuyển quân đi lại và chờ đợi, từ đó cũng làm ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh không những không hoàn thành mà lỗ.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty

- Ban Giám đốc đã có rất nhiều cố gắng trong hoạt động quản lý điều hành, thực hiện tốt vai trò chức năng của mình để lãnh đạo công ty hoàn thành các Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị.

- Đã triển khai thực hiện đúng theo nội dung chương trình của HĐQT họp thống nhất đề ra trong năm 2023 như:

+ Đầu tư mua 01 xe Ô tô tải tiêu hao nhiên liệu bằng DIEZEL giá trị: 784.000.000 đồng để phục vụ SXKD.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:

- Tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo để Công ty hoàn thành nhiệm vụ SXKD trong năm 2023 và các năm tiếp theo.

- Tích cực tìm kiếm việc làm để đảm bảo đủ việc làm cho người lao động, bảo đảm doanh thu và lợi nhuận.

- Tiếp tục triển khai thực hiện các nội dung công việc đã được ĐHĐCĐ thường niên năm trước đề ra mà chưa thực hiện được

V- Quản trị công ty:

1. Hội đồng quản trị

Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị: (danh sách thành viên Hội đồng quản trị, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết) và các chứng khoán khác do công ty phát hành, nêu rõ thành viên độc lập, thành viên không điều hành và các thành viên khác; số lượng chức danh thành viên hội đồng quản trị do từng thành viên Hội đồng quản trị của công ty nắm giữ tại các công ty khác).

T	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số lượng CP năm giữ	Tỷ lệ (%)	Ghi chú
1	Trần Văn Huy <i>Trong đó: +CP được ủy quyền + CP cá nhân</i>	Chủ tịch HĐQT	308.391 308.391 0	30,00 30,00 0	
2	Hồ Hữu Phước <i>Trong đó: +CP được ủy quyền + CP cá nhân</i>	Thành viên HĐQT, kiêm Giám đốc Công ty	254.211 254.211 0	24,73 24,73 0	<i>Theo QĐ 10 QĐ/VNECO-HĐQT ngày 21/05/2020 v/v cử CB đại diện phần vốn của TCTy CP Xây dựng điện VN tại VNECO4</i>
3	Nguyễn Ngọc Ân	Thành viên HĐQT	8.582	0,83	
4	Phạm Xuân Trụ	Thành viên, HĐQT	0	0	<i>Không quản lý điều hành trực tiếp</i>
5	Nguyễn Thế Tam	Thành viên, HĐQT	4.500	0,44	

a. Hoạt động của Hội đồng quản trị: đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp Hội đồng quản trị

Trong năm 2023 HĐQT Công ty có 10 cuộc họp

- + Cuộc họp thứ nhất tiến hành vào ngày 20 tháng 02 năm 2023
- + Cuộc họp thứ 2 tiến hành vào ngày 26 tháng 02 năm 2023
- + Cuộc họp thứ 3 tiến hành vào ngày 04 tháng 03 năm 2023
- + Cuộc họp thứ 4 tiến hành vào ngày 22 tháng 03 năm 2023
- + Cuộc họp thứ 5 tiến hành vào ngày 29 tháng 05 năm 2023
- + Cuộc họp thứ 6 tiến hành vào ngày 02 tháng 06 năm 2023
- + Cuộc họp thứ 7 tiến hành vào ngày 28 tháng 07 năm 2023
- + Cuộc họp thứ 8 tiến hành vào ngày 10 tháng 08 năm 2023
- + Cuộc họp thứ 9 tiến hành vào ngày 03 tháng 10 năm 2023
- + Cuộc họp thứ 10 tiến hành vào ngày 31 tháng 10 năm 2023

b) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành:

Hội đồng quản trị hiện có 01 thành viên hội đồng quản trị độc lập là Ông Phạm Xuân Trụ

2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng cổ phần năm giữ (CP)	Tỷ lệ (%)	Ghi chú
1	Nguyễn Thế Hùng	Trưởng Ban	9.500	0,88	
2	Trần Thị Thu Lan	Thành viên	18	0,002	
3	Võ Hồng Quân	Thành viên	0	0,00	

b) Hoạt động của Ban kiểm soát:

- Tham gia các buổi họp của HĐQT, kiểm tra giám sát việc triển khai các nghị quyết của ĐHCĐ và của HĐQT, Ban Giám đốc.
- Thẩm định Báo cáo tình hình kinh doanh, Báo cáo tài chính năm của Công ty; Phối hợp với kiểm toán độc lập xem xét ảnh hưởng của các sai sót về kế toán, Báo cáo tài chính.
- Xem xét tính phù hợp của các quyết định của HĐQT, Ban Giám đốc trong công tác quản lý. Kiểm tra trình tự ban hành các văn bản của Công ty phù hợp với quy định của điều lệ Công ty và Pháp luật.
- Đánh giá hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm 2023, đồng thời kiến nghị với HĐQT Công ty một số giải pháp trong một số lĩnh vực quan trọng.

*Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

Giao dịch mua: Trong năm không phát sinh

* Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Trong năm không phát sinh

* Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: Năm qua HĐQT đã thực hiện tốt các quy định về quản trị Công ty trên cơ sở Luật pháp Nhà nước, Điều lệ Công ty và Quy chế quản trị Công ty.

3. Tỷ lệ nắm giữ cổ phần của HĐQT, Ban giám đốc, Ban kiểm soát tại ngày đăng ký cuối cùng theo danh sách tổng hợp người sở hữu chứng khoán thực hiện quyền bỏ phiếu số V231/2023-VE4/VSD-ĐK của Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam ban hành ngày 17 tháng 03 năm 2023.

TT	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phiếu sở hữu (cp)	Tỷ lệ % số CP sở hữu	Ghi chú
1	Trần Văn Huy	Chủ tịch HĐQT	0	0	
2	Hồ Hữu Phước	Ủy viên HĐQT- Giám đốc	0	0	
3	Nguyễn Ngọc Ân	Ủy viên HĐQT-P.Giám đốc	8.582	0,83	
4	Phạm Xuân Trụ	Ủy viên HĐQT	0	0	
5	Nguyễn Thế Tam	Ủy viên HĐQT	4.500	0,44	
6	Nguyễn Thế Hùng	Trưởng BKS	9.500	0,92	
7	Trần Thị Thu Lan	Thành viên BKS	18	0,002	
8	Võ Hồng Quân	Thành viên BKS	0	0	

VI- Báo cáo tài chính

Số: 71/2024/BCKT-E.AFA

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO4

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ Phần Xây Dựng Điện VNECO 4 (gọi tắt là, “Công ty”), được lập ngày 20 tháng 03 năm 2024, từ trang 05 đến trang 37, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội

bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Nghệ An, ngày 26 tháng 03 năm 2024

Xác nhận của đại diện theo pháp luật của Công ty

nh

Nơi nhận:

- UBCKNN
- Sở GDCKHN
- Lưu HĐQT VNECO4


Hồ Hữu Phước

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2023	Năm 2022
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Tiền thu từ bán hàng, CC DV và doanh thu khác	01		89.645.916.251	76.456.289.038
2. Tiền chi trả cho người cung cấp HH và DV	02		(94.086.143.087)	(60.224.411.982)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(7.122.122.607)	(9.808.664.017)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(2.490.741.995)	(1.665.601.541)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(144.266.295)	(82.410.795)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		1.118.388.297	1.499.163.140
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(1.676.192.146)	(5.110.693.874)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(14.755.161.582)	1.063.669.969
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(1.677.786.831)	(3.037.384.850)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		28.333.643	36.363.636
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(3.600.000.000)	-
4. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		333.331.429	2.047.620.952
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		788.680.008	2.730.408.151
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(4.127.441.751)	1.777.007.889
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ đi vay	33	6.1	78.500.248.399	56.722.899.407
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	6.2	(65.404.143.786)	(49.303.867.030)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		13.096.104.613	7.419.032.377
LƯU CHUYỂN THUẦN TRONG NĂM	50		(5.786.498.720)	10.259.710.235
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		14.073.803.965	3.814.093.730
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70		8.287.305.245	14.073.803.965



Hồ Hữu Phước
Giám đốc

Nghệ An, ngày 20 tháng 03 năm 2024

Hoàng Đình Khánh
Kế toán trưởng

Hồ Thị Khánh Vân
Người lập

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 31/12/2023

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 01/01/2023
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		70.928.729.021	49.986.468.709
I. Nợ ngắn hạn	310		69.437.613.794	48.255.711.560
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.12	22.645.189.183	18.014.883.858
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	4.13	3.202.008.854	2.877.199.934
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.10	37.374.325	1.031.112.558
4. Phải trả người lao động	314		4.124.392.166	4.099.219.528
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4.14	4.433.361.887	372.525.487
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.15	3.355.627.776	3.360.478.702
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	4.17	30.820.056.110	16.994.568.156
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	4.16	40.962.089	340.855.149
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		778.641.404	1.164.868.188
II. Nợ dài hạn	330		1.491.115.227	1.730.757.149
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	4.17	-	729.383.341
2. Dự phòng phải trả dài hạn	342	4.16	1.491.115.227	1.001.373.808
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		9.436.484.992	13.355.884.172
I. Vốn chủ sở hữu	410	4.18	9.436.484.992	13.355.884.172
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		10.280.000.000	10.280.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		10.280.000.000	10.280.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		3.916.544.618	3.916.544.618
3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		343.153.361	343.153.361
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(5.103.212.987)	(1.183.813.807)
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		(1.183.813.807)	719.600.000
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(3.919.399.180)	(1.903.413.807)
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		80.365.214.013	63.342.352.881



Hồ Hữu Phước
Giám đốc

Nghệ An, ngày 20 tháng 03 năm 2024

Hoàng Đình Khánh
Kế toán trưởng

Hồ Thị Khánh Vân
Người lập

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/12/2023

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 01/01/2023
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		70.184.231.982	53.567.391.018
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	8.287.305.245	14.073.803.965
1. Tiền	111		1.937.798.102	5.412.013.453
2. Các khoản tương đương tiền	112		6.349.507.143	8.661.790.512
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	4.4	4.571.951.300	1.321.297.720
1. Chứng khoán kinh doanh	121		2.224.358.606	2.224.358.606
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(1.252.407.306)	(903.060.886)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		3.600.000.000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		44.858.724.295	33.636.266.205
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.2	37.250.263.866	29.234.399.258
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.3	5.034.093.891	1.526.816.095
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.5	3.750.566.850	3.010.001.808
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.6	(1.176.200.312)	(134.950.956)
IV. Hàng tồn kho	140		12.172.698.850	4.476.296.026
1. Hàng tồn kho	141	4.7	12.172.698.850	4.476.296.026
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		293.552.292	59.727.102
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	4.8	108.770.367	19.510.234
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		145.839.040	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	4.10	38.942.885	40.216.868
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		10.180.982.031	9.774.961.863
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		243.359.144	2.438.356
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Phải thu dài hạn khác	216		243.359.144	2.438.356
II. Tài sản cố định	220		9.675.367.007	8.942.431.534
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.9	9.675.367.007	8.942.431.534
Nguyên giá	222		19.024.220.483	17.549.212.379
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(9.348.853.476)	(8.606.780.845)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	35.301.273
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	4.11	-	35.301.273
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	333.331.429
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	4.4	-	333.331.429
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		262.255.880	461.459.271
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.8	262.255.880	461.459.271
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		80.365.214.013	63.342.352.881

CÔNG TY CP XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO4

Địa chỉ: Số 197, đường Nguyễn Trường Tộ, Phường Đông Vĩnh, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam

Mẫu B 02 – DN(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2023	Năm 2022
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	91.882.045.416	82.261.438.578
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		91.882.045.416	82.261.438.578
4. Giá vốn hàng bán	11	5.2	87.389.988.059	80.755.393.090
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		4.492.057.357	1.506.045.488
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	844.981.738	2.742.046.041
7. Chi phí tài chính	22	5.4	2.788.167.144	2.607.450.972
<i>Trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		<i>2.436.753.636</i>	<i>1.712.030.569</i>
9. Chi phí bán hàng	25		-	-
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.5	6.460.326.381	4.119.465.477
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(3.911.454.430)	(2.478.824.920)
12. Thu nhập khác	31	5.6	564.134.023	1.021.424.558
13. Chi phí khác	32	5.7	427.812.478	438.605.208
14. Lợi nhuận khác	40		136.321.545	582.819.350
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(3.775.132.885)	(1.896.005.570)
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.9	144.266.295	7.408.237
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(3.919.399.180)	(1.903.413.807)
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	4.18.5	(3.813)	(1.852)
20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	4.18.6	(3.813)	(1.852)

**Hồ Hữu Phước**
Giám đốc

Nghệ An, ngày 20 tháng 03 năm 2024

Hoàng Đình Khánh
Kế toán trưởng**Hồ Thị Khánh Vân**
Người lập

